

Số: 3398/QĐ-BYT

Hà Nội, ngày 12 tháng 7 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phân bổ 746.460 liều vắc xin phòng COVID-19 BNT162b2 (Comirnaty) được cung ứng trong tháng 07/2021 đợt 8

BỘ TRƯỞNG BỘ Y TẾ

Căn cứ Nghị định số 75/2017/NĐ-CP ngày 20/6/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ Y tế;

Căn cứ Quyết định số 173/QĐ-TTg ngày 01/02/2020 và Quyết định 447/QĐ-TTg ngày 01/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc công bố dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ về việc mua và sử dụng vắc xin phòng COVID-19;

Căn cứ Quyết định số 3355/QĐ-BYT ngày 08/7/2021 của Bộ Y tế về việc phê duyệt Kế hoạch triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 năm 2021-2022;

Quyết định số 3338/QĐ-BYT ngày 08/7/2021 của Bộ Y tế về việc huy động nhân lực y tế để hỗ trợ phòng, chống dịch COVID-19 (lần 2) tại thành phố Hồ Chí Minh;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Y tế dự phòng, Bộ Y tế,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phân bổ vắc xin COVID-19 BNT162b2 của Pfizer (Comirnaty) do Dự án tiêm chủng mở rộng Quốc gia tiếp nhận cho các đơn vị, địa phương như sau:

1. Phân bổ cho các tỉnh, thành phố theo Phụ lục 1 đính kèm.
2. Phân bổ cho các đơn vị theo Phụ lục 2 đính kèm.

Điều 2.

1. Dự án Tiêm chủng mở rộng quốc gia - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương thực hiện tiếp nhận, bảo quản và vận chuyển vắc xin tới Dự án TCMR khu vực để phân bổ tới các đơn vị theo danh sách tại Điều 1.

2. Sở Y tế các tỉnh, thành phố chỉ đạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật tiếp nhận, bảo quản theo hướng dẫn của nhà sản xuất và tổ chức triển khai tiêm chủng ngay số vắc xin được phân bổ theo Khoản 1 Điều 1 cho các đối tượng theo đúng Nghị quyết số 21/NQ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ và Quyết định số 3355/QĐ-BYT ngày 08/7/2021 của Bộ Y tế về việc ban hành Kế hoạch triển khai chiến dịch tiêm vắc xin phòng COVID-19 năm 2021-2022, Quyết định số 3338/QĐ-BYT ngày 08/7/2021 của Bộ Y tế về việc huy động nhân lực y tế để hỗ trợ phòng, chống dịch COVID-19 (lần 2) tại thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bộ Quốc phòng và Bộ Công an chủ động liên hệ với Dự án TCMR Quốc gia để tiếp nhận và tiêm vắc xin cho các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý .

4. Các đơn vị trực thuộc Bộ Y tế tại Khoản 2 Điều 1 tổ chức tiếp nhận, bảo quản và tiêm vắc xin cho các cơ quan Trung ương trên địa bàn, các đơn vị, tổ chức, cá nhân theo quy định tại Nghị quyết 21/NQ-CP ngày 26/02/2021 của Chính phủ, Quyết định số 3355/QĐ-BYT ngày 08/7/2021 của Bộ Y tế và Quyết định số 3338/QĐ-BYT ngày 08/7/2021 của Bộ Y tế.

Trường hợp các đơn vị không sử dụng hết vắc xin hoặc có nhu cầu sử dụng thêm thì phối hợp với Dự án TCMR Quốc gia - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh để chủ động điều phối, tổ chức tiêm chủng, đảm bảo sử dụng vắc xin hiệu quả.

5. Trường hợp số lượng vắc xin hạn chế thì ưu tiên sử dụng để tiêm mũi 2 cho những người đã tiêm mũi thứ nhất bằng vắc xin AstraZeneca từ 8 -12 tuần nếu người được tiêm chủng đồng ý và tiêm mũi thứ nhất cho những người chưa được tiêm chủng.

6. Vắc xin được bảo quản ở nhiệt độ 2°C đến 8°C thì phải sử dụng hết trong vòng tối đa 31 ngày. Các đơn vị được phân bổ cần phối hợp chặt chẽ với Dự án Tiêm chủng mở rộng quốc gia - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, Dự án Tiêm chủng mở rộng khu vực để lập kế hoạch tiếp nhận vắc xin và triển khai tiêm chủng kịp thời, đảm bảo sử dụng hết số vắc xin được nhận.

7. Dự án Tiêm chủng mở rộng quốc gia - Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương khẩn trương hoàn thiện tài liệu và tổ chức tập huấn sử dụng vắc xin COVID-19 BNT162b2 của Pfizer (Comirnaty) cho các đơn vị trước khi triển khai tiêm chủng.

8. Dự án Tiêm chủng mở rộng quốc gia, các đơn vị, địa phương tiếp nhận, sử dụng vắc xin chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng, báo cáo theo từng nguồn vắc xin được phân bổ (bao gồm các vắc xin đã điều phối giữa các đơn vị, địa phương); thực hiện báo cáo kết quả tiêm chủng về Bộ Y tế (Cục Y tế dự phòng) và Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Các ông, bà: Chánh Văn phòng Bộ; Chánh Thanh tra Bộ; Vụ trưởng, Cục trưởng, Tổng Cục trưởng các Vụ, Cục, Tổng cục thuộc Bộ Y tế; Viện trưởng Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương; Viện trưởng Viện Pasteur thành phố Hồ Chí Minh; Cục trưởng Cục Quân y, Bộ Quốc phòng; Cục Y tế, Bộ Công an và Thủ trưởng các đơn vị tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- BT. Nguyễn Thanh Long (để báo cáo);
- Các Đ/c Thứ trưởng;
- Lưu: VT, DP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trương Quốc Cường

Phụ lục 1

Phân bổ cho các địa phương, đơn vị

TT	Các địa phương, đơn vị	Vắc xin Pfizer				Tổng đợt 8
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
I	MIỀN BẮC					
1	Tỉnh Bắc Kạn	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
2	Tỉnh Lai Châu	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
3	Tỉnh Cao Bằng	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
4	Tỉnh Điện Biên	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
5	Tỉnh Lào Cai	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
6	Tỉnh Lạng Sơn	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
7	Tỉnh Tuyên Quang	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
8	Tỉnh Yên Bái	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
9	Tỉnh Hà Nam	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
10	Tỉnh Hoà Bình	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
11	Tỉnh Hà Giang	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
12	Tỉnh Ninh Bình	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
13	Tỉnh Vĩnh Phúc	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
14	Tỉnh Sơn La	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
15	Tỉnh Hưng Yên	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
16	Tỉnh Thái Nguyên	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
17	Tỉnh Hà Tĩnh	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
18	Tỉnh Quảng Ninh	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
19	Tỉnh Bắc Ninh	1.170	1.170	1.170	3.510	7.020
20	Tỉnh Phú Thọ	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
21	Tỉnh Nam Định	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
22	Tỉnh Bắc Giang	1.170	1.170	1.170	3.510	7.020
23	Thành phố Hải Phòng	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
24	Tỉnh Thái Bình	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
25	Tỉnh Hải Dương	1.170	1.170	1.170	3.510	7.020
26	Tỉnh Nghệ An	1.170	1.170	1.170	3.510	7.020
27	Tỉnh Thanh Hoá	1.170	1.170	1.170	3.510	7.020
28	Thành phố Hà Nội	1.170	1.170	17.550	18.720	38.610
II	MIỀN TRUNG					
29	Tỉnh Ninh Thuận	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
30	Tỉnh Quảng Trị	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
31	Tỉnh Quảng Bình	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
32	Tỉnh Phú Yên	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
33	Tỉnh Thừa Thiên Huế	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
34	Thành phố Đà Nẵng	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
35	Tỉnh Bình Thuận	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
36	Tỉnh Khánh Hoà	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850

TT	Các địa phương, đơn vị	Vắc xin Pfizer				
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	Tổng đợt 8
37	Tỉnh Quảng Ngãi	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
38	Tỉnh Bình Định	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
39	Tỉnh Quảng Nam	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
III	TÂY NGUYÊN					
40	Tỉnh Kon Tum	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
41	Tỉnh Đắk Nông	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
42	Tỉnh Gia Lai	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
43	Tỉnh Đắk Lắk	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
IV	MIỀN NAM					
44	Tỉnh Hậu Giang	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
45	Tỉnh Bạc Liêu	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
46	Tỉnh Bình Phước	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
47	Tỉnh Trà Vinh	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
48	Tỉnh Vĩnh Long	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
49	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
50	Tỉnh Tây Ninh	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
51	Tỉnh Cà Mau	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
52	Tỉnh Sóc Trăng	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
53	Thành phố Cần Thơ	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
54	Tỉnh Bến Tre	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
55	Tỉnh Lâm Đồng	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
56	Tỉnh Đồng Tháp	1.170	1.170	1.170	3.510	7.020
57	Tỉnh Long An	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
58	Tỉnh Kiên Giang	1.170	1.170	1.170	3.510	7.020
59	Tỉnh Tiền Giang	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
60	Tỉnh An Giang	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
61	Tỉnh Bình Dương	1.170	1.170	11.700	11.700	25.740
62	Tỉnh Đồng Nai	1.170	1.170	11.700	11.700	25.740
63	Thành phố Hồ Chí Minh	1.170	1.170	23.400	29.250	54.990
V	Lực lượng Quân đội	1.170	1.170	15.210	17.550	35.100
VI	Lực lượng Công an	1.170	1.170	17.550	23.400	43.290
	Tổng	76.050	76.050	166.140	258.570	576.810

Phụ lục 2
Phân bổ cho các Viện, Bệnh viện, Trường đại học

TT	Các đơn vị	Vắc xin Pfizer				Tổng đợt 8
		Lần 1	Lần 2	Lần 3	Lần 4	
1	Bệnh viện Bạch Mai	1.170	1.170	5.850	7.020	15.210
2	Bệnh viện Nhi Trung ương	1.170	1.170	5.850	5.850	14.040
3	Bệnh viện E	1.170	1.170	4.680	5.850	12.870
4	Bệnh viện Hữu Nghị Việt Đức	1.170	1.170	1.170	-	3.510
5	Bệnh viện Hữu Nghị	1.170	1.170	3.510	3.510	9.360
6	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Thái Nguyên	1.170	1.170	-	-	2.340
7	Bệnh viện Phổi Trung ương	1.170	1.170	5.850	7.020	15.210
8	Bệnh viện Chợ Rẫy	1.170	1.170	4.680	7.020	14.040
9	Bệnh viện Thống Nhất	1.170	1.170	4.680	4.680	11.700
10	Bệnh viện C Đà Nẵng	1.170	1.170	1.170	1.170	4.680
11	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Huế	1.170	1.170	-	-	2.340
12	Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ	-	-	1.170	1.170	2.340
13	Bệnh viện Đại học Y Hà Nội	1.170	1.170	1.170	2.340	5.850
14	Bệnh viện Đại học Y Dược thành phố Hồ Chí Minh	1.170	1.170	4.680	7.020	14.040
15	Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương	1.170	1.170	3.510	2.340	8.190
16	Viện Vệ sinh dịch tễ Tây Nguyên	1.170	1.170	-	-	2.340
17	Viện Pasteur TP. Hồ Chí Minh	-	-	4.680	5.850	10.530
18	Viện Pasteur Nha Trang	1.170	1.170	-	-	2.340
19	Viện Kiểm định Quốc gia vắc xin và Sinh phẩm y tế (để kiểm định và tiêm chủng)	1.170	1.170	1.170	1.170	4.680
20	Đại học Y Hà Nội	1.170	1.170	5.850	3.510	11.700
21	Đại học Y Dược Cần Thơ	-	-	1.170	1.170	2.340
Tổng		21.060	21.060	60.840	66.690	169.650